

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2020/DS-PT

Ngày: 13/8/2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy CNQSD đất*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đặng Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/DS-PT ngày 30/01/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1960/2020/QĐPT, ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý K, sinh năm 1953; địa chỉ: Số nhà 220, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số LK02-41, đường C3, KDC Minh Châu, khóm 1, phường 7, thành phố S, tỉnh S - Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lý Xiều H2, sinh năm 1943; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H2: Ông Lý Khánh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S - Văn bản ủy quyền ngày 17/05/2018 (Vắng mặt).

2.2. Ông Lý Khánh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Ông Lương Văn N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 44, đường Lý Thường Kiệt, khóm 4, phường 1, thị xã V, tỉnh S - Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã V, địa chỉ: Số 01, đường 30/4, khóm 1, phường 1, thị xã V, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của UBND thị xã V: Ông Sơn Ngọc T, địa chỉ: Số 01, đường 30/4, khóm 1, phường 1, thị xã V, tỉnh S - Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2019 (Vắng mặt).

3.2. Ông Lý Ích C, sinh năm 1929; địa chỉ: Số nhà 220, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

3.3. Bà Thái Thị H3, sinh năm 1945; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

3.4. Ông Lý Hứng K1, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

3.5. Bà Lý Múi T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

3.6. Bà Dương Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 223, ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Lý K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2018, đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/4/2018 nguyên đơn ông Lý K trình bày:

Ông Lý Ích C là cha của ông Lý K có phần đất khoảng 02 công tầm cây tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S. Nguồn gốc đất do ông nội ông K để lại cho cha ông K từ trước năm 1975, nhưng từ trước đến nay phần đất trên chưa đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ). Năm 1982, ông C có cắt một phần đất diện tích khoảng 84m² trong phần đất nêu trên cho ông K

cất nhà ở. Ngay sau khi được cho đất, ông K cất nhà mái lá, cột gỗ để ở. Vào năm 1999, do ông C nhờ ông K về ấp Tân Nam, xã Tân, huyện V (Nay là thị xã V) ở để giữ vườn nhãn nên ông K bỏ trống căn nhà của ông không ai ở.

Khi căn nhà của ông K bị sập, ông Lý Khánh H đã tự ý bao chiếm đất và cất một căn nhà tạm trên nền nhà cũ của ông K nhưng vì thời điểm đó ông K đang giữ vườn nhãn cho ông C ở ấp Tân Nam nên không hay biết. Sau đó, ông C phát hiện có phản đối nhưng ông H nói là xin ở tạm cho đến khi nào nhà hư thì trả lại đất. Do nghĩ tình ông H là cháu (Cha ông H và ông C là anh em) nên lúc đó ông C cũng không nói gì và cũng không báo cho ông K biết. Đến nay, ông H đã dỡ bỏ căn nhà tạm cũ để xây dựng nhà kiên cố trên nền nhà cũ của ông K (Khoảng 48m²) và còn bao chiếm luôn phần đất xung quanh, ông K không đồng ý nên đã xảy ra tranh chấp và ông K biết được ông Lý Xiều H2 (Là cha của ông H) đã lén lút tiến hành kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất tranh chấp thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã Tân, huyện V (Nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng từ ngày 08/5/1998.

Nay ông K yêu cầu: Buộc ông H2 và ông H trả lại phần đất có diện tích do đặc thực tế là 121,6m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S. Đồng thời, tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận QSDĐ số M 138099 do UBND huyện V (Nay là thị xã V) cấp cho ông H2 vào ngày 08/5/1998 đối với diện tích 121,6m² thuộc thửa đất 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã Tân, huyện V (Nay là thị xã V), tỉnh S.

- Theo yêu cầu phản tố tại đơn tường trình ngày 02/5/2018, đơn bổ sung yêu cầu phản tố đề ngày 01/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Khánh H, đồng thời là người đại diện ủy quyền của ông Lý Xiều H2 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, huyện V (Nay là thị xã V), tỉnh S là do ông H2 (Là cha ông H) được UBND huyện V (Nay là thị xã V) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 08/5/1998. Thửa đất này từ khi cha mẹ ông H ở đến nay đã qua 03 lần xây dựng và ông H đã ở trên đất này trên 40 năm không tranh chấp với ai. Đến ngày 12/12/2017, ông H2 đã ủy quyền cho ông H được quyền sử dụng đất vĩnh viễn.

Vào ngày 07/12/2017, hộ ông C cùng con trai là ông K cản trở không cho ông H xây dựng là trái pháp luật vì đất ông H có Giấy chứng nhận QSDĐ được Nhà nước công nhận. Khi xảy ra tranh chấp có đưa ra hòa giải cơ sở nhưng không thành. Việc nguyên đơn yêu cầu là hoàn toàn không có căn cứ, nên ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc đòi lại phần diện tích đất

121,6m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S và hủy một phần Giấy chứng nhận QSDĐ số M 138099 của UBND huyện V (Nay là thị xã V) cấp cho ông H2 vào ngày 08/5/1998 liên quan đến thửa đất 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, huyện V (Nay là thị xã V), tỉnh S. Đồng thời, yêu cầu phản tố buộc ông K và ông C phải bồi thường tiền vật tư xây dựng bị hư hại do không xây dựng được nhà với số tiền là 33.960.000 đồng (Trong đó, gồm gạch ống 10.000 viên; cát xây dựng 20m³; xi măng Hà Tiên 40 bao; sắt thép xây dựng 250kg).

Tại phiên tòa, ông H cho rằng ông đã mua đồ cất nhà trước khi tháo dỡ nhà, sau khi tháo dỡ nhà xong thì phát sinh tranh chấp; đối với gạch và cát ông đã sử dụng, nên ông thay đổi một phần nội dung phản tố là ông chỉ yêu cầu ông K bồi thường cho ông tiền xi măng và sắt do bị hư hỏng không sử dụng được theo giá đã định.

Tại Bản án dân sự số 48/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 244; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; căn cứ khoản 5 Điều 166; Điều 202; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2, 3 Điều 24 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý K về việc yêu cầu buộc ông Lý Khánh H và ông Lý Xiều H2 trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 121,6m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M138099 do Ủy ban nhân dân huyện V (Nay là thị xã V) cấp cho ông Lý Xiều H2 vào ngày 08/5/1998 đối với diện tích 121,6m² thuộc thửa đất 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, huyện V (Nay là thị xã V), tỉnh S.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Khánh H.

- Buộc ông Lý K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lý Khánh H với số tiền là 3.081.000 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Khánh H về việc yêu cầu buộc ông Lý K phải bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền là 7.837.958 đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/12/2019 ông Trần Việt H1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, kết luận bản án không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa người kháng cáo vắng mặt nhưng có gửi bản trình bày, yêu cầu như sau: Giấy ủy quyền của ông K cho ông H trong phạm vi tranh chấp quyền sử dụng đất, còn nội dung hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản không ủy quyền nhưng cấp sơ thẩm giải quyết khi chưa có ủy quyền là vượt quá phạm vi ủy quyền; không thu thập lời khai nhân chứng theo yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn có dựng nhà trên đất, đã được cấp hộ khẩu nên đất trên là của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không có căn cứ, không phù hợp với tình tiết khách quan vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì kháng cáo không có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, diện tích đất hai bên tranh chấp do bị đơn quản lý sử dụng ổn định, liên tục từ sau năm 1975 đến nay và bị đơn đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn là có căn cứ, đề nghị bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của ông Trần Việt H1, người đại diện theo ủy quyền của ông Lý K, đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Lý K và đơn phản tố của ông Lý Khánh H, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp; đương sự có yêu cầu hủy quyết định cá biệt nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh S, được quy định tại khoản 6 và khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lý K cho rằng Giấy ủy quyền của ông K cho ông H không ủy quyền nội dung “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản” nhưng cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá phạm vi ủy quyền, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì thấy: Theo nội dung giấy ủy quyền ngày 19/01/2018, của ông K cho ông H thể hiện ông H được quyền quyết định toàn bộ các vấn đề trong phạm vi giải quyết vụ án, được thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BL: 24, 25). Như vậy, ông K đã ủy quyền cho ông H giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vượt quá phạm vi ủy quyền, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3]. Xét kháng cáo của ông K cho rằng bản án sơ thẩm kết luận không phù hợp với tình tiết khách quan trong vụ án, xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn thì thấy:

[3.1]. Nguồn gốc diện tích đất trên do ông H2 (cha của ông Lý Khánh H) sử dụng cất nhà ở từ năm 1972; đến năm 1997 ông H2 kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện V, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/5/1998 (BL: 15, 149); ông Lý Khánh H tiếp tục quản lý, sử dụng, ổn định cho đến nay.

[3.3]. Theo lời khai của các nhân chứng do nguyên đơn và bị đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập gồm ông Lý X, ông Lý H4, ông Lý X1 và ông La

H5 (BL: 150 đến 155; 287 đến 295); ông Lê Thanh L, ông Ngô Hoàng H6, ông Trà Pha L1, ông Lý Cứng P, ông Thạch K, ông Kim P và bà Quách Thị L2 (BL: 265 đến 286), đều xác định từ năm 1980 đến 1990 ông K có cất một căn nhà lá ở cặp bên nhà với nhà ông H2... Ông K chỉ dựng nhà tạm trên diện tích 48m² nay cũng không còn nhà, không quản lý, sử dụng đất và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, để chứng minh diện tích đất trên là của ông K; trong khi đó đất do gia đình ông H2 quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1972 cho đến nay là 48 năm và đăng ký năm 1997 (BL: 149), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 cho ông Lý Xiêu H2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4]. Xét thấy, bị đơn ông Lý Khánh H xây dựng nhà trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn nhưng phía nguyên đơn cản trở không cho xây dựng, là lỗi của nguyên đơn dẫn đến bị đơn bị thiệt hại 39 bao xi măng ACIFA (PC40) bị đông đặc không thể sử dụng được; cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải bồi thường giá trị theo Kết luận định giá tài sản số 07KL.HĐĐGTS ngày 26/02/2019 số tiền 3.081.000 đồng, là có căn cứ.

[5]. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận; người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên bác đơn kháng cáo của ông Lý K; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông K thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lý K; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 244; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm

2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý K về việc yêu cầu buộc ông Lý Khánh H và ông Lý Xiều H2 trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 121,6m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, thị xã V, tỉnh S và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M138099 do Ủy ban nhân dân huyện V (Nay là thị xã V) cấp cho ông Lý Xiều H2 vào ngày 08/5/1998 đối với diện tích 121,6m² thuộc thửa đất 657, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Nô Thum, xã T, huyện V (Nay là thị xã V), tỉnh S.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Khánh H.

- Buộc ông Lý K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lý Khánh H với số tiền là 3.081.000 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Khánh H về việc yêu cầu buộc ông Lý K phải bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền là 7.837.958 đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tám đồng).

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí là 3.773.000 đồng. Ông Lý K phải chịu 2.798.000 đồng, ông Lý Khánh H phải chịu 975.000 đồng. Do ông Lý K đã nộp tạm ứng số tiền 1.823.000 đồng, ông Lý Khánh H đã nộp tạm ứng số tiền 1.950.000 đồng, nên ông Lý K có nghĩa vụ hoàn trả cho Lý Khánh H số tiền là 975.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý K được miễn nên hoàn trả 1.770.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0000745 ngày 31/01/2018 và 0000840 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V cho ông Lý K.

- Ông Lý Khánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000865 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V;

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý K được miễn; hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002816 ngày 18/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S cho ông Lý K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 13/8/2020.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh S (1);
- VKSND tỉnh S (1);
- Cục THADS tỉnh S (1);
- Chi cục THA TX V (1);
- Đương sự (5)
- Lưu VP (6), HS (1), (17b-PTHH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

